

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và vật lý toán.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Thanh Phong**

2. Ngày tháng năm sinh: 08/08/1974.....; Nam ☒; Nữ ☐; Dân tộc: Kinh.....;

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): N16/2, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Điện thoại nhà riêng:...; Điện thoại di động: 0916350808; E-mail: thanhphong@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 02/1997 đến 01/1999: Tập sự giảng dạy, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ 02/1999 đến 03/2012: Giảng viên, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ. Trong thời gian này học ThS tại Trường Đại học Cần Thơ và TS từ tháng 9/2005 đến tháng 9/2010 tại Đại học Yonsei, Hàn Quốc.

Từ 04/2012 đến 05/2015: Giảng viên chính, phụ trách chương trình ThS Vật lý lý thuyết và vật lý toán, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ 06/2015 đến 04/2018: Giảng viên cao cấp, phụ trách chương trình ThS Vật lý lý thuyết và vật lý toán, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ 05/2018 đến nay: Giảng viên cao cấp, Trưởng bộ môn, Bí thư chi bộ, Bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Cần Thơ, Khu 2, đường 3/2, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Điện thoại cơ quan: 0292.3872.091

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 9 năm 1996; số văn bằng: 18960; ngành: Vật lý, chuyên ngành: Sư phạm; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 8 năm 2024; số văn bằng: A007480; ngành: Vật lý; chuyên ngành: Vật lý lý thuyết; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 8 năm 2010, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và vật lý toán; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Yonsei, Hàn Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được công nhận đạt chuẩn chức danh PGS ngày 20 tháng 01 năm 2015, ngành: Vật lý. Đã được bổ nhiệm chức danh PGS ngày 27 tháng 5 năm 2015, ngành: Vật lý.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ (**Hội đồng 2: Công nghệ thực phẩm, Công nghệ thông tin, Cơ khí, Dược học, Hóa học, Toán học, Vật lý, Kinh tế, Thủy lợi, Tự động hóa**).

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Vật lý**.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Vật lý hạt cơ bản và Vũ trụ học.

(2) Các quá trình phân rã hiếm trong vật lý hạt cơ bản.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **03 NCS** bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm **02** đề tài cấp Bộ (NAFOSTED) và **04** đề tài cấp Cơ sở; Thành viên nghiên cứu chủ chốt **02** đề tài NAFOSTED khác.
- Đã công bố (số lượng) **39** bài báo khoa học, trong đó **20** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **4**, trong đó **4** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen	Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo	2015
2	Bằng khen	Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo	2017

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Vai trò giảng viên: Trong quá trình công tác, ứng viên luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo đúng tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.
- Vai trò Trưởng bộ môn: Ứng viên luôn nỗ lực trong phát triển Bộ môn. Hiện nay Bộ môn có đủ 3 bậc đào tạo ĐH với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm duy trì tốt. Cùng đồng nghiệp duy trì quan hệ với các Đại học của Đài Loan, Thái Lan để xin tài trợ bán phần cho sinh viên Vật lý kỹ thuật đi học tập ngắn hạn. Bộ môn cũng được giao nhiệm vụ, cùng các đơn vị khác trong Trường ĐHCT, tham gia dự án phát triển cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nhân lực thuộc Chương trình phát triển nguồn nhân lực bán dẫn của Chính phủ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 26 năm 3 tháng.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	

1								
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2022-2023		1	4		90	135	225/405/216
5	2023-2024		1	2		139.5	225	364.5/479.5/216
6	2024-2025		1	1		153	285	438/483/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc ☐ TSKH ; tại nước: Hàn Quốc, năm 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL 517 điểm, năm 2005.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Trương Trọng Thúc	x		x		07/10/2013 - 03/05/2017	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Số 712/QĐ-HVKHCN, ngày 30/11/2017
2	Đặng Trung Sĩ	x		x		07/10/2013 - 10/02/2017	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam	Số 423/QĐ-HVKHCN, ngày 05/7/2017
3	Trịnh Thị Hồng	x		x		13/01/2017 - 18/09/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Số 1981/QĐ-ĐHSPHN2, ngày 28/12/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận PGS							
1	Cơ học lượng tử	GT (SĐH)	NXB Đại học Cần Thơ, 2014	2	Đồng CB	Viết chung	Giấy xác nhận số 2002/GXN-ĐHCT, ngày 06/6/2025
2	Neutrino và bất đối xứng baryon của vũ trụ	TK (SĐH)	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2014	1	CB		Giấy xác nhận số 2004/GXN-ĐHCT, ngày 06/6/2025
Sau khi được công nhận PGS							
3	Nhiệt học	GT (ĐH)	NXB Đại học Cần Thơ, 2016	2	Đồng CB	Viết chung	Giấy xác nhận số 2003/GXN-ĐHCT, ngày 06/6/2025
4	Đối xứng gián đoạn và ứng dụng trong vật lý hạt cơ bản	TK (SĐH)	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2019	3	VC	Viết chung	Giấy xác nhận số 2005/GXN-ĐHCT, ngày 06/6/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu, xây dựng lại trong mô hình đối xứng S ₄ nhằm giải thích sự bất đối xứng vật chất-phản vật chất của vũ trụ thông qua quá trình leptogenesis và tiên đoán về góc trộn θ_{13} .	CN	T2011-15 Cấp cơ sở	1/4/2011 – 31/12/2011	525/QĐ-ĐHCT, ngày 02/03/2012; Ngày họp 14/03/2012 Xếp loại: Khá
2	Sự tái chuẩn hóa và hiệu ứng vật lý trong mô hình đối xứng S ₄	CN	T2012-58 Cấp cơ sở	01/1/2012 – 30/12/2012	4168/QĐ-ĐHCT, ngày 28/11/2012; Ngày họp 19/12/2012 Xếp loại: Tốt
3	Cấu trúc zero trong ma trận khối lượng neutrino theo cơ chế seesaw và các hiệu ứng vật lý	CN	T2013-23 Cấp cơ sở	01/4/2013- 30/12/2013	5782/QĐ-ĐHCT, ngày 12/12/2013; Ngày họp 19/12/2013 Xếp loại: Tốt
4	Các hiệu ứng vật lý mới của mô hình đối xứng A ₄	CN	T2014-13 Cấp cơ sở	01/04/2014- 31/12/2014	6603/QĐ-ĐHCT, ngày 12/12/2014; Ngày họp 25/12/2014 Xếp loại: Xuất sắc
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				

6	Vật lý mới trong các mô hình đối xứng thể hệ	CN	103.01-2015.33 NAFOSTED Cấp Bộ	05/2016- 05/2018	171/QĐ-HĐQL- NAFOSTED, Ngày 15/10/2018. Đạt
6	Các hiện tượng vật lý ngoài Mô hình chuẩn dựa theo dữ liệu thực nghiệm	CN	103.01- 2018.331 NAFOSTED Cấp Bộ	04/2019- 04/2021	63/QĐ-HĐQL- NAFOSTED, Ngày 02/12/2022 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
1	Fermion mass correction to Z boson decay width	4	có*	Communication in Physics	ACI		13, 1, 58-61	2003; ONLINE: 13-08-2012
2	mu-tau reflection symmetry and radiatively generated leptogenesis	4	có*	International Journal of Modern Physics A	Có, SCIE IF: 1.381, Q2, H: 113		24, 18, 3660-3667	30/7/2009
3	A link neutrinoless double beta decay to leptogenesis in S4 symmetry model	4	có*	Physical Review D	Có- SCIE IF: 5.217, Q1, H: 408	30	82, 093005, 1-9	08/11/2010
4	Mô hình đối xứng thể hệ S₄ và các hiện tượng vật lý liên quan	1	có	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ	DOAJ, Crossref		20b, 256-266	01/05/2011

5	S4 flavor symmetry and leptogenesis	1	có	Proc. Natl. Conf. Theor. Phys			36, 46-55	2011
6	Radiatively Generated Leptogenesis in S4 Flavor Symmetry Models	2	có	Advance in High Energy Physics	Có - SCIE IF: 2.77, Q2, H: 47	5	2012, 254093, 1-21	27/02/2012
7	The effects of renormalization evolution group on a S4 flavor symmetry	2	có	Proc. Natl. Conf. Theor. Phys			37, 214-222	2012
8	S4 flavor symmetry with soft-breaking and physical consequences	2	có	Proc. Natl. Conf. Theor. Phys			37, 223-232	2012
9	Ma trận khối lượng neutrino với cấu trúc zero từ cơ chế seesaw và leptogenesis	2	có	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ	DOAJ, Crossref		29a, 96-104	31/12/2013
10	Bryon asymmetry of the Universe	1	có	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Tự nhiên 2013 – NXB Đại học Cần Thơ (ISSN -1859-2333)			84	2013
11	Re-examination of two zero texture of neutrino mass matrix after neutrino - 2012	1	có	Communication in Physics	ACI		23, 3, 211-218	26/9/2013
12	The 3-3-1 model with inert scalar triplet	3		Physical Review D	Có- SCIE IF: 5.217, Q1, H: 408	63	88, 095014, 1-14	28/8/2013
13	Leptogenesis in A4 flavor symmetry model by renormalization group evolution	1	có	Communication in Physics	ACI	1	24, 1, 9-19	26/4/2014
14	Two Higgs singlets A4 flavor symmetry with minimal breaking	1	có	Communication in Physics	ACI	1	24, 2, 113-123	24/6/2014

15	Texture zeros of neutrino mass matrix with seesaw mechanism and leptogenesis	1	có	Modern Physics Letters A	Có - SCIE IF: 2.066, Q2, H: 90	3	29, 8, 1450038	13/3/2014
*Các công bố [1], [2], và [3] được ghi tên tác giả theo thông lệ quốc tế (alphabet). Tuy nhiên, đây là các kết quả chính của luận văn ThS [1], và luận án TS [2, 3] của ứng viên, do đó ứng viên ghi là tác giả chính. Thông tin luận văn ThS có thể đọc ở link để kiểm tra với công bố [1]: https://lrcopac.ctu.edu.vn/pages/opac/wpdetailbib-id-85414.html Luận án TS có thể đọc ở link để kiểm tra nội dung với [2, 3]: https://wlib.yonsei.ac.kr/search/detail/CATTOT000001162028, click vào URL. Cụ thể hơn, được thể hiện ở chương 5 [2], chương 6 [3] và/hoặc phần Abstract và chương 7 (abstract và kết luận của [2, 3]).								
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
16	One loop corrections to decay $\tau \rightarrow \mu \gamma$ in economical model	4		Communications in Physics	ACI		25, 2, 113-124	30/9/2015
17	Leptogenesis and charged lepton flavor violating decay in A4 model	5	có	Journal of Science, ĐH Sư phạm Hà Nội 2			46, 51-61,	12/2016
18	Lepton flavor violating decay of SM-like Higgs in a radiative neutrino mass model	4		Physical Review D	Có- SCIE IF: 5.217, Q1, H: 408	23	93, 115026, 1-14	20/6/2016
19	Lepton flavor violating decays of Standard-Model-like Higgs in 3-3-1 model with neutral lepton	4		Nuclear Physics B	Có - SCIE IF: 2.7597, Q1, H: 272	59	907, 2016, 37-77	01/4/2016
20	One loop corrections to decay $H \rightarrow e_a e_b$ in economical 3-3-1 model	5		Journal of Science, ĐH Sư phạm Hà Nội 2			50, 32-45	8/2017
21	General one-loop formulas for decay $h \rightarrow Z$ and γ	6		European Physical Journal C	Có - SCIE IF: 4.59, Q1, H: 205	41	78, 2018, 885	31/10/2018

22	Decay of standard-model-like Higgs boson $h \rightarrow \mu \tau$ in a 3-3-1 model with inverse seesaw neutrino masses	4	có	Physical Review D	Có- SCIE IF: 5.217, Q1, H: 408	46	97, 2018, 073003	16/4/2018
23	Anomalous magnetic dipole moment $(g-2)_\mu$ in a 3-3-1 model with inverse seesaw neutrinos,	3		Communications in Physics,	ACI	14	30, 3, 221-230	22/7/2020
24	CP violations in a predictive A4 symmetry model	4	có	Progress of Theoretical and Experimental Physics	Có - SCIE IF: 2.572, Q1, H: 56	8	2020, 3, 033B04	26/3/2020
25	Decay of SM-like higgs boson $h \rightarrow Z\gamma$ in the 3-3-1 model with inverse seesaw neutrino masses,	3		VNUHCM Journal of Science and Technology Development: Natural Sciences			24, 3, 2084-2090	23/8/2021
26	Fermions, gauge bosons and Higgs masses in the 3-3-1-1 model with c-charged lepton,	4	có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics,			37, 3, 61-73	20/9/2021
27	Large $(g-2)_\mu$ and signals of decays $e^+ b \rightarrow e^+ \gamma$ in a 3-3-1 model with inverse seesaw neutrinos	5	có	Physical Review D	Có- SCIE IF: 5.217, Q1, H: 408	21	104, 2021, 033007	31/8/2021
28	Low-energy phenomena of the lepton sector in an A4 symmetry model with heavy inverse seesaw neutrinos	5	có	Progress of Theoretical and Experimental Physics	Có - SCIE IF: 2.572, Q1, H: 56	10	2022, 2, 023B01	10/01/2022

29	An explanation of experimental data of $(g-2)_{e,\mu}$ in 3-3-1 models with inverse seesaw neutrinos	5		European Physical Journal C	Có - SCIE IF: 4.59, Q1, H: 205	20	82, 2022, 722	18/8/2022
30	Decays $h \rightarrow e\bar{e}b\bar{b}$, $eb \rightarrow e\bar{e}\gamma$, and $(g-2)_{e,\mu}$ in a 3-3-1 model with inverse seesaw neutrinos	6		Progress of Theoretical and Experimental Physics	Có - SCIE IF: 2.572, Q1, H: 56	10	2022, 9, 093B05;	23/8/2022
31	Determining atmospheric electric fields using MGMR3D	6		Physical Review D	Có- SCIE IF: 5.217, Q1, H: 408		105, 2022, 063027	29/3/2022
32	Determine three-layer atmospheric electric fields using MGMR3D,	4		VNUHCM Journal of Science and Technology Development: Natural Sciences			25, 4, 2557- 2562	20/01/2023
33	Analytic formulas for $(g-2)_{e,\mu}$ anomalies and decays $e_b \rightarrow e_a \gamma$ in a 3-3-1 model with inverse seesaw neutrinos	6		Journal of Science: Natural Sciences and Technology, ĐH Sư phạm Hà Nội 2	DOAJ, Crossref		02, 01, 03-15	28/4/2023
34	One-loop contributions to decays $eb \rightarrow e\bar{e}\gamma$ and $(g-2)_{e\mu}$ anomalies, and Ward identity	5	có	Nuclear Physics B	Có - SCIE IF: 2.7597, Q1, H: 272	8	992, 2023, 116244	23/5/2023
35	$(g-2)_{e,\mu}$ and lepton flavor violating decays in a left-right model	5		European Physical Journal C	Có - SCIE IF: 4.59, Q1, H: 205		84, 2024, 1262.	6/12/2024
36	$(g-2)_{e,\mu}$ anomalies and decays h, z to $e_b e_a$ in 3-3-1 models	5		Physical Review D	Có- SCIE IF: 5.217, Q1, H: 408	6	110, 2024, 075010.	15/10/2024

	with inverse seesaw neutrinos							
37	(g-2)_{e,\mu} anomalies and decays $h \rightarrow e_a e_b$, $Z \rightarrow e_a e_b$, and $e_b \rightarrow e_a \gamma$ in a two Higgs doublet model with inverse seesaw neutrinos	5		European Physical Journal C	Có - SCIE IF: 4.59, Q1, H: 205		84 (2024) , 338.	30/3/2024
38	Decays $Z \rightarrow e_a e_b$ in a 3-3-1 model with neutral leptons	5	có	Physica Scripta	Có-SCIE IF: 2.6, Q2, H: 103	2	99, 12, 125308.	15/11/2024
39	Leptogenesis trong mô hình đối xứng S_4 modular với cơ chế seesaw tối thiểu	2	có	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ	DOAJ, Crossref		61, 3A, 110-117	05/06/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 bài, gồm [22], [24], [27], [28], [34] và [38].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng mới chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành vật lý lý thuyết và vật lý toán	Chủ trì HĐ xây dựng	Quyết định số 1477/QĐ ĐHCT ngày 20/05/2016 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định ban hành CTĐT số 1439/QĐ-ĐHCT ngày 08/05/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ và Quyết định số 2493/QĐ BGDDT ngày 05/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	
2	Điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành vật lý lý thuyết và vật lý toán	Chủ tịch HĐ thẩm định	Quyết định số 5161/QĐ ĐHCT ngày 29/11/2021 và Số 5536/QĐ ĐHCT ngày 15/12/2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định ban hành CTĐT số 879/QĐ-ĐHCT ngày 31/03/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ	Thực hiện theo hai thông tư số 17/2021/TT BGDDT ngày 22/06/2021 và số 18/2021/TT BGDDT ngày 28/06/2021 của BGDDT

3	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành vật lý lý thuyết và vật lý toán	Chủ tịch HĐ xây dựng, điều chỉnh CTĐT	Quyết định số 5149/QĐ ĐHCT ngày 29/11/2021 và Số 5540/QĐ ĐHCT ngày 15/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định ban hành CTĐT số 889/QĐ-ĐHCT ngày 31/03/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ	Thực hiện theo hai thông tư số 17/2021/TT BGDDT ngày 22/06/2021 và số 23/2021/TT BGDDT ngày 30/08/2021 của BGDDT
4	Chương trình đào tạo trình độ cử nhân ngành Vật lý kỹ thuật	Nhóm chuyên trách kiểm định AUN-QA	Quyết định số 6755/QĐ-ĐHCT, ngày 30/11/2023	ASEAN University Network	Giấy chứng nhận số: AP1211CTUAPR2024, ngày 11/5/2024	Phụ trách viết các tiêu chuẩn 1, 2, 3 và 4.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: *Đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo.*

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: *Đủ điểm biên soạn giáo trình.*

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2025
NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Thanh Phong